TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HS-ST.
Ngày: 21-3-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quản Thế Nhân.
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Duy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

1/ Võ Hoài N (tên gọi khác: V), sinh năm 1993. Tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nơi cư trú: xã A, huyện B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nghề nghiệp: nguyên làm nghề công nhân; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Minh H và bà Trần Thị Tuyết Ng; chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 15/9/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình P xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp T sản", đã chấp hành án xong.

Bị cáo tại ngoại.

2/ Nguyễn S (tên gọi khác: S H), sinh năm 1994. Tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nơi cư trú: xã A, huyện B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nghề nghiệp: nguyên làm nghề công nhân; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn V và bà Nguyễn Thị Th ; có vợ và 01 con sinh năm 2016;Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại

3/ Lê Đình S (tên gọi khác: S D), sinh năm 1994. Tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: ấp 7, xã P, huyện L , tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: nguyên làm nghề công nhân; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà Lê Thị K ; chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại.

4/ Nguyễn Văn T (tên gọi khác: N), sinh năm 1995. Tại tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: ấp A 1, xã A, huyện B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nghề nghiệp: nguyên làm nghề công nhân; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị B ; chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại.

- *Bị hại*: Anh Vũ Đặng Hoàng P, sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp 8, xã D, huyện L , tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng*:

1. Bà Đặng Thị L, sinh năm 1958.

Địa chỉ: ấp 8, xã D, huyện L , tỉnh Đồng Nai.

2. Anh Vũ Ngọc P, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp 8, xã D, huyện L , tỉnh Đồng Nai.

3. Anh Vũ Ngọc T, sinh năm 1990.

(Các bị cáo, bị hại, người làm chứng có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn và bị nhóm của Vũ Đặng Hoàng P đập làm hư xe mô tô của mình nên lúc 22 giờ 30 phút ngày 11/01/2015, trong lúc đang uống bia, Võ Hoài N rủ Nguyễn S, Lê Đình S, Nguyễn Văn T cùng với S và hai người bạn của S (không rõ nhân thân, lai lịch) đi kiếm nhà của P và những người đập xe của N để đánh trả thù, được cả nhóm đồng ý. Khi đi, N cầm con dao rựa rồi chặt 06 khúc cây tràm, mỗi đoạn dài khoảng 1,2m, đường kính khoảng 03cm rồi đưa cho mỗi người cầm một cây, còn N cầm dao rựa dùng làm hung khí. Khi đến nhà của P, nhóm của N kêu P ra ngoài nói chuyện nhưng P không ra mà chạy vào nhà đóng cửa lại, N thấy vậy liền dùng dao rựa cầm theo chém làm vỡ hai tấm kính cửa, rồi mở cửa xông vào nhà chém P một nhát trên đầu, sau đó N cùng cả nhóm kéo P ra ngoài tiếp tục dùng cây gỗ tràm đánh liên tục vào người của P gây thương tích, sau đó cả nhóm bỏ ra về. Còn P được người nhà đưa đến bệnh viện đa khoa huyện Long Thành cấp cứu và khâu vết thương.

Về vật chứng: 01 con dao rựa và 06 khúc cây tràm đã bị các bị cáo vứt bỏ nên cơ quan Điều tra không thu hồi được.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 0828/ĐGPY/2017 ngày 20/10/2017 của Hội đồng pháp y tỉnh Đồng Nai kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương đỉnh phải để lại sẹo kích thước 07/0,2cm. Tỷ lệ 03%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Vũ Đặng Hoàng P là 03%.

3. Kết luận khác:

- Thương tích đầu do vật sắc.
- Chấn thương vai phải và hông phải do vật tày.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các T liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số: 18/CT-VKS ngày 06/02/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố các bị cáo Võ Hoài N, Nguyễn S, Lê Đình S, Nguyễn Văn T về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo như tại cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Võ Hoài N, Nguyễn S, Lê Đình S, Nguyễn Văn T phạm tội "Cố ý gây thương tích", áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 xử phạt các bị cáo với mức hình phạt như sau:

- Võ Hoài N mức án từ 08 đến 10 tháng tù.
- Nguyễn S mức án từ 06 đến 08 tháng tù.
- Lê Đình S mức án từ 06 đến 08 tháng tù.
- Nguyễn Văn T mức án từ 06 đến 08 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Tòa án tuyên buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị hại: Về hình sự: Đề nghị xét xử các bị cáo đúng người, đúng tội.

Về dân sự: Yêu cầu bốn bị cáo liên đới bồi thường số tiền là 34.587.800 đồng (Ba mươi bốn triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn tám trăm đồng), gồm các khoản:

+ Tiền xe đi cấp cứu: 500.000 đồng;

+ Tiền ăn cho người bị hại trong thời gian điều trị tại bệnh viện: 800.000 đồng;

+ Tiền ăn cho người chăm sóc trong thời gian điều trị tại bệnh viện: 400.000 đồng;

+ Tiền mất thu nhập của người chăm sóc: 600.000 đồng.

+ Tiền viện phí, khám y chứng, phụ thu chụp CT: 515.000 đồng;

+ Tiền bồi dưỡng sức khoẻ sau khi ra viện: 1.000.000 đồng;

+ Thiệt hại về tổn thất tinh thần: 30.000.000 đồng.

+ Tiền cắt kính: 772.800 đồng.

Ý kiến của người làm chứng:

- Bà L: Bà là mẹ của P. Hôm đó bà thấy một nhóm khoảng 15 người vào nhà bà, có cầm dao, cây gỗ. Họ không kêu P ra mà họ xông thẳng vào nhà, P thấy vậy nên chạy vào nhà đóng cửa lại nhưng chưa kịp khóa thì bị cáo N dùng dao đập cửa, sau đó xông vào nhà chém P bị chảy máu đầu. Bà có dùng điện thoại để gọi báo bị một người ngăn không cho gọi. Sau đó họ kéo P ra ngoài sân, tất cả những người khác cũng xông vào đánh P. Bà thì bị ngất xỉu.

- Anh P: Anh là anh trai của P. Khi anh về nhà thì thấy nhóm bị cáo ra về đến ngõ, thấy P bị chảy máu trên đầu. Sau đó anh đưa P đi cấp cứu.

- Anh T: Sau khi P bị nhóm của bị cáo đuổi thì P về có báo lại với anh. Sáu đó, anh cùng bạn đi kiếm và gặp nhóm bị cáo để nói chuyện thì bạn của anh có đập xe của bị cáo N . Đến đêm hôm đó thì anh chạy về thấy nhiều người đang đánh P, mẹ anh bị ngất xỉu, anh chạy vào thì cũng bị đánh trúng vào lưng. Sau đó nhóm bị cáo ra về.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Vũ Ngọc T, sinh năm 1990 là anh ruột của bị hại tham gia phiên tòa với tư cách là người làm chứng. Xét thấy, anh T là người có chứng kiến sự việc xảy ra nên Hội đồng xét xử chấp nhận tư cách của anh T là người làm chứng trong vụ án.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo Võ Hoài N, Nguyễn S, Lê Đình S, Nguyễn Văn T đều khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các T liệu chứng cứ thu thập được tại hồ sơ vụ án và cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, nên có cơ sở xác định: Vào Lúc 22 giờ 30 phút ngày 11/01/2015 tại xã D, huyện Long Thành, các bị cáo Võ Hoài N, Nguyễn S, Lê Đình S, Nguyễn Văn T đã có hành vi dùng dao và cây gỗ để chém và đánh anh Vũ Đặng Hoàng P nhằm gây thương tích cho anh P, tỷ lệ thương tật là 03%. Trong đó, bị cáo Võ Hoài N dùng hung khí nguy hiểm là một con dao rựa để chém, ngoài ra còn dùng cây gỗ để đánh anh P. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009), nay là điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội

và đúng pháp luật. Tuy nhiên, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo quy định của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là có lợi cho các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nhưng không áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội là còn thiếu sót.

[3] Xét tại Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì hình phạt của tội "Cố ý gây thương tích" là nhẹ hơn so với hình phạt quy định tại Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội để xem xét áp dụng quy định có lợi cho các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội ở địa P. Xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống mà các bị cáo đã dùng dao, cây gỗ để chém và đánh bị hại, thể hiện sự manh động và coi thường pháp luật của các bị cáo. Vì vậy, đối với mỗi bị cáo cần có một mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, nhằm răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Đây là trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo N là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo thực hiện tội phạm và bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình P xử phạt 06 tháng cải tại không giam giữ về tội "Trộm cắp T sản" theo bản án số 68/2011/HSST ngày 15/9/2011, đã chấp hành xong nên đối với bị cáo phải chịu mức hình phạt nặng hơn so với các bị cáo khác. Các bị cáo Nguyễn S, Đình S, T là người trực tiếp tham gia thực hiện tội phạm cùng với bị cáo N. Lẽ ra, khi nghe bị cáo N rủ đi kiếm P để đánh trả thù thì các bị cáo phải từ chối và khuyên can bị cáo Nam từ bỏ ý định phạm tội, nhưng ngược lại các bị cáo đã đồng ý tham gia thực hiện tội phạm nên các bị cáo cũng phải chịu mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, mỗi bị cáo đã nộp 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, riêng các bị cáo T, Lê Đình S, Nguyễn S là người có nhân thân tốt; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội do bị hại cũng có một phần lỗi là bị hại có hành vi chửi bị cáo trước và người thân của bị hại có hành vi đập xe mô tô của bị cáo trước. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 nay là điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015.

[7] Xét các bị cáo đang được tại ngoại, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo và thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[8] Xét các bị cáo khi phạm tội làm nghề công nhân nhưng hiện nay các bị cáo chưa có việc làm ổn định nên cho các bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị hại yêu cầu bốn bị cáo liên đới bồi thường số tiền là 34.587.800 đồng (Ba mươi bốn triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn tám trăm đồng). Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, mỗi bị cáo đã nộp 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành để bồi thường cho bị hại.

[10] Tại phiên tòa, các bị cáo đề nghị bị hại giảm mức bồi thường từ 15.000.000 đồng trở xuống vì hoàn cảnh khó khăn, chưa có việc làm ổn định, bị cáo Lê Đình S đang nuôi mẹ bị bệnh, bị cáo Nguyễn S có vợ đang mang thai, nuôi con nhỏ nhưng bị hại không đồng ý.

[11] Xét mức bồi thường: Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 275, Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587, Điều 589, Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì các bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh P, Hội đồng xét xử chấp nhận các khoản bồi thường hợp lý sau:

+ Tiền xe đi cấp cứu: 500.000 đồng (tính theo giá cước trung bình);

+ Tiền ăn cho người bị hại trong thời gian điều trị tại bệnh viện: 800.000 đồng (tính theo giá trung bình);

+ Tiền ăn cho người chăm sóc trong thời gian điều trị tại bệnh viện: 400.000 đồng (tính theo giá trung bình);

+ Tiền mất thu nhập của người chăm sóc trong thời gian bị hại điều trị tại bệnh viện: 600.000 đồng. Anh Đạt là người chăm sóc bị hại làm nghề trồng cây lâu năm nên tính theo thu nhập của lao động cùng loại;

+ Tiền viện phí, khám y chứng, phụ thu chụp CT: 515.000 đồng (có hóa đơn hợp lệ);

+ Tiền bồi dưỡng sức khỏe sau khi ra viện: 1.000.000 đồng. Theo kết quả xác minh thì bị hại cần nghỉ dưỡng 02 tuần sau khi ra viện nên bị hại yêu cầu khoản tiền này là phù hợp.

+ Thiệt hại về tổn thất tinh thần: Tổn thương cơ thể của bị hại với tỷ lệ thấp, sự ảnh hưởng đến nghề nghiệp, thẩm mỹ không lớn, do đó chỉ chấp nhận mức bồi thường là 15.000.000 đồng;

+ Tiền cắt kính: 772.800 đồng (có hóa đơn).

[12] Xét bị cáo N là người khởi xướng, rủ rê ba bị cáo còn lại và chuẩn bị hung khí cho cả nhóm thực hiện tội phạm nên bị cáo phải chịu phần bồi thường nhiều hơn, còn ba bị cáo còn lại có vai trò như nhau nên phải chịu phần bồi thường bằng nhau. Như vậy, các bị cáo Võ Hoài N, Nguyễn S, Lê Đình S, Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 19.587.800 đồng (Mười chín triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn tám trăm đồng), chia phần cụ thể như sau: Võ Hoài N: 7.587.800 đồng, Nguyễn S: 4.000.000 đồng, Lê Đình S: 4.000.000 đồng, Nguyễn Văn T: 4.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 4.000.000 đồng mà các bị cáo đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Cần tiếp tục tạm giữ số tiền 4.000.000 đồng các bị cáo đã nộp để đảm bảo thi hành án.

[13] Về xử lý vật chứng: Do cơ quan Điều tra không thu hồi được nên không đặt ra xem xét.

[14] Đối với đối tượng tên S và hai người bạn của S không rõ nhân thân, lai lịch nên cơ quan Điều tra xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[15] Về án phí: Buộc bị cáo Võ Hoài N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 379.390 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Buộc các bị cáo Lê Đình S, Nguyễn S, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[16] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Võ Hoài N, Nguyễn S, Lê Đình S, Nguyễn Văn T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104, điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 134, Điều 17; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, xử phạt:

Bị cáo Võ Hoài N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Nguyễn S 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Lê Đình S 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Võ Hoài N, Nguyễn S, Lê Đình S, Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P giám sát, giáo dục các bị cáo.

Miễn khoản khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 5 Điều 275, Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587, Điều 589, Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc các bị cáo Võ Hoài N, Nguyễn S, Lê Đình S, Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Vũ Đặng Hoàng P tổng số tiền là 19.587.800 đồng (Mười chín triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn tám trăm đồng), chia phần cụ thể như sau: Võ Hoài N: 7.587.800 đồng, Nguyễn S: 4.000.000 đồng, Lê Đình S: 4.000.000 đồng, Nguyễn Văn T: 4.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 4.000.000 đồng do bốn bị cáo đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành theo các biên lai thu: số 006688 ngày 19/3/2018, số 006690 ngày 20/3/2018, số 006691 ngày 20/3/2018, số 006689 ngày 19/3/2018. Tiếp tục tạm giữ số tiền 4.000.000 đồng các bị cáo đã nộp để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Võ Hoài N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 379.390 đồng (ba trăm bảy mươi chín ngàn ba trăm chín mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Buộc các bị cáo Lê Đình S, Nguyễn S, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND H.Long Thành;
- VKSND T. Đồng Nai;
- Công an H.Long Thành;
- CCTHA H.Long Thành;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Sở tư pháp T.Đồng Nai.
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

Trần Thị Thanh Hoa